

Bản án số: 08/2017/KDTM-PT

Ngày 20/11/2017

Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Anh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biểu

Ông Trần Đình Hiền

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Nguyễn Thế Vụ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/KDTM-PT ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân B.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện K, Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1958 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân B.

*Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1937.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện K, Hưng Yên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1940.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện K, Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị Q trình bày: Ngày 31/10/2012 Quỹ tín dụng nhân dân B cho vợ chồng ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Đ vay số tiền 350 triệu đồng, lãi 1.6%/tháng, thời hạn vay 09 tháng, mục đích chế biến được liệu theo hợp đồng tín dụng số AA 10100236. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng 202m² đất cùng các công trình xây dựng có trên đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 074897 do UBND huyện K cấp ngày 20/01/2000 cho ông Lê Văn T. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có xác nhận của UBND xã B. Đến hạn trả nợ, quỹ tín dụng đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T, bà Đ không thực hiện. Nay Quỹ tín dụng nhân dân B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc 350 triệu đồng và trả nợ lãi 362.407.000 đồng (tính từ ngày 31/10/2012 đến ngày 27/6/2017). Nếu ông T, bà Đ không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết hợp đồng thế chấp tài sản để Quỹ tín dụng được quyền làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đến ngày 23/9/2016, người đại diện của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà Đ phải trả nợ số tiền gốc và lãi theo quy định. Riêng về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Quỹ tín dụng nhân dân B xin rút không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ngày 31/10/2012 vợ chồng ông có ra UBND xã B làm các thủ tục thế chấp và vay vốn. Ông và vợ ông là bà Phạm Thị Đ đã ký vào hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng tín dụng, giấy ủy quyền xử lý tài sản thế chấp, báo cáo thẩm định, phiếu chi, giấy nhận nợ vay tiền lãi suất 1.6%/tháng với mục đích chế biến được liệu, thời hạn vay là 09 tháng. Tuy nhiên ông, bà đều không được cầm tiền và cũng không thắc mắc bởi vì ông tin tưởng con dâu là chị Đỗ Thị L đang làm kế toán tại QTDND B là vợ chồng ông chỉ đứng tên vay hộ còn việc trả nợ và lãi thì chị L chịu trách nhiệm. Từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông chưa trả được cho Quỹ tín dụng khoản tiền gốc, lãi nào vì vợ chồng ông không có tiền và do tin tưởng con dâu trả nên đứng ra vay hộ. Nay Quỹ tín dụng khởi kiện, ông xác định có đứng ra vay số tiền 350 triệu đồng trên của Quỹ tín dụng nhân dân B, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân đã già yếu nên ông không có tiền trả và cũng không nhất trí phát mại diện tích đất trên vì vợ chồng ông không có chỗ ở. Đề nghị Quỹ tín dụng nhân dân B đòi tiền chị L số tiền gốc và lãi của khoản vay trên vì chị L mới là người cầm tiền và sử dụng số tiền đó.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ trình bày: Năm 2012 vợ chồng con trai ông, bà là anh Lê Văn Đ và chị Đỗ Thị L làm ăn bị thua lỗ, nên vợ chồng bà đã bàn bạc thống nhất mang sổ đỏ diện tích đất mà vợ chồng bà đang ở để thế chấp vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân B. Sau đó vợ chồng bà làm hồ sơ vay vốn. Bà và ông T

đã ký vào giấy đề nghị vay vốn, phương án sản xuất kinh doanh, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên vay số tiền bao nhiêu, thời hạn, lãi suất như thế nào thì bà hoàn toàn không biết, không được cầm tiền và nhìn thấy tiền. Nay Quỹ tín dụng B khởi kiện thì bà có quan điểm là bà không biết gì về số tiền vay, không được cầm tiền nên bà không chịu trách nhiệm.

Tại bản án số 03/2017/KDTM-ST ngày 27/6/2017 của TAND huyện K đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468-Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ phải thanh toán trả nợ cho Quỹ TDND B toàn bộ số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 31/10/2012 đến ngày 27/6/2017 là 362.407.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 712.407.000 đồng (Bảy trăm mười hai triệu, bốn trăm linh bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/6/2017) ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng trên chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (số AA 10100236 ngày 31/10/2012) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Quỹ tín dụng nhân dân B có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án nếu ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ không thi hành khoản tiền lãi 362.407.000 đồng trên thì phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 - Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký kết ngày 31/10/2012 giữa Quỹ tín dụng nhân dân B với vợ chồng ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện để được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo bản án.

Ngày 10/8/2017 ông Lê Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung: Ông không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật, vì bản chất của khoản tiền vay 350 triệu đồng gốc là ông vay cho chị L và chị L phải có trách nhiệm

với toàn bộ số tiền gốc và lãi mà Quỹ tín dụng nhân dân B đã yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại cấp phúc thẩm ông Lê Văn T có đơn đề nghị về xin miễn toàn bộ án phí sơ thẩm. Giữ nguyên kháng cáo, xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quỹ tín dụng nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông T, bà Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng đã chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của ông T là không căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, nhưng sửa một phần bản án sơ thẩm, miễn án phí cho ông T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1.] Về quan hệ pháp luật: Ngày 31/10/2012 Quỹ tín dụng nhân dân B đã ký kết hợp đồng tín dụng số AA 10100236 cho ông T, bà Đ vay số tiền 350 triệu đồng, lãi 1.6%/tháng, thời hạn vay 09 tháng, mục đích chế biến dược liệu. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng 202m² đất cùng các công trình xây dựng có trên đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 074897 do UBND huyện K cấp ngày 20/01/2000 cho ông Lê Văn T. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có xác nhận của UBND xã B. Từ khi hết hạn vay vốn đến nay, ông T, bà Đ vi phạm nghĩa vụ ký kết theo hợp đồng tín dụng, không trả nợ mặc dù đã được đôn đốc nhiều lần. Do đó ngày 01/7/2016 Quỹ tín dụng nhân dân B đã khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.] Xét nội dung, yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T:

Hội đồng xét xử thấy hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, giấy ủy quyền xử lý tài sản thế chấp, giấy đề nghị vay vốn, phương án sản xuất đều có chữ ký của vợ chồng ông T, bà Đ. Các phiếu chi tiền, giấy nhận nợ, giấy khất nợ có chữ ký của ông T. Bản thân

ông T và bà Đ cũng thừa nhận các chữ ký tên ông, bà trên các giấy tờ đã nêu là của ông bà, do ông bà tự nguyện viết và ký. Ông bà có làm thủ tục vay tiền và vay tiền của Quỹ tín dụng năm 2012 và cũng xác nhận chưa thanh toán được khoản nợ gốc và lãi nào cho Quỹ tín dụng do ông bà đã già, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Ông bà cho rằng Quỹ tín dụng nhân dân B lừa ông, bà ký vào các giấy tờ trên, số tiền ông bà vay là vay cho chị Đỗ Thị L (con dâu ông bà) chứ ông bà không được sử dụng nguồn tiền vay nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do đó tòa án cấp sơ thẩm đã buộc vợ chồng ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ phải thanh toán trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân B toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 712.407.000 đồng (Bảy trăm mười hai triệu, bốn trăm linh bảy ngàn đồng) là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, ông T không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình về nội dung này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo về nội dung này của ông T.

Xét đơn đề nghị xin miễn toàn bộ án phí sơ thẩm của ông T: Hội đồng xét xử thấy: Ông T, bà Đ tuổi đã cao, là đối tượng có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế đã được UBND xã B xác nhận, bản thân ông Lê Văn T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đối với bà Đ không có đơn kháng cáo, nhưng bà có ý kiến nhất trí với việc xin được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm của ông T, đề nghị Tòa miễn toàn bộ án phí cho cả hai ông bà. Xét thấy hai ông bà là vợ chồng, cùng phải liên đới chịu trách nhiệm trả án phí, tại cấp phúc thẩm ông bà đã có đơn đề nghị xin được miễn án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông T, bà Đ;

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông T không được chấp nhận, nhưng do Tòa sửa bản án sơ thẩm nên ông T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T. Sửa một phần quyết định về phần án phí tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 27/6/2017 của TAND huyện K như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468-Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân B.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B toàn bộ số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 31/10/2012 đến ngày 27/6/2017 là 362.407.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 712.407.000 đồng (Bảy trăm mười hai triệu, bốn trăm linh bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/6/2017) ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng trên chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (số AA10100236 ngày 31/10/2012) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Quỹ tín dụng nhân dân B có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án nếu ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ không thi hành khoản tiền lãi 362.407.000 đồng trên thì phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357- Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ký kết ngày 31/10/2012 giữa Quỹ tín dụng nhân dân B với vợ chồng ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện để được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Đ.

- Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng theo biên lai thu số 0001590 ngày 18/8/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại. Trả lại ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002009 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hưng Yên.
- TAND huyện K
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự.
- Lưu HS, Lưu VP.

Vũ Thị Kim Anh

Về án phí phúc thẩm: Do các đương sự không kháng cáo, theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 30 Pháp lệnh khẩn cấp, lỗi phải nộp, các đương sự không phải chi trả án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điều 148; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 480; Điều 489; Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự.

- Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án số 03/2016/KDTM-ST ngày 22/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần thương mại và đầu tư Barotex Việt Nam.

Buộc Công ty cổ phần nội thất Hà Vũ phải thanh toán trả công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Barotex Việt Nam số tiền gốc 2.160.734.964 đồng; số tiền lãi 95.935.940 đồng. Cộng cả gốc và lãi là 2.256.670.904 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn chín trăm linh tư đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Barotex Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty cổ phần nội thất Hà Vũ chưa thanh toán thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Về án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần nội thất Hà Vũ phải chịu số tiền 77.133.400 đồng (Bảy mươi bảy triệu một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại công ty cổ phần thương mại và đầu tư Barotex Việt Nam số tiền 37.931.500 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 014382 ngày 25/12/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm.

Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hưng Yên.
- TAND huyện Văn Lâm
- Chi cục THADS huyện Văn Lâm.
- Các đương sự trong vụ án.
- Lưu HS, Lưu VP.

Vũ Thị Kim Anh